**MẪU THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

***(Dùng để kiểm chứng trước khi công bố Bảng xếp hạng VNR500 năm 2022)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **THÔNG TIN TỔNG QUAN** | | |
| Tên Doanh nghiệp |  | |
| Tên tiếng Anh |  | |
| Mã số thuế |  | |
| Trụ sở chính |  | |
| Tel / Fax |  | |
| Email / Website |  | |
| Tình trạng niêm yết | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | HNX | HOSE | Chưa niêm yết | Mã chứng khoán: | | |
| Năm thành lập |  | |
| Vốn điều lệ |  | |
| Sở hữu vốn | |  |  |  | | --- | --- | --- | | 100% Vốn nhà nước | Vốn nhà nước > 50% | Vốn nhà nước ≤ 50% | | 100% Vốn tư nhân | Doanh nghiệp liên doanh | 100% Vốn nước ngoài | | |
| Ngành SXKD chính |  | |
| Tổng Giám đốc |  | |
| Điện thoại |  | |
| Đại diện liên lạc / Chức danh |  | |
| Email / Điện thoại |  | |
| 1. **CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2021 VÀ 2022 (ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG)** | | |
|  | **Năm 2021** | **9 tháng năm 2022** |
| Tổng tài sản |  |  |
| Vốn chủ sở hữu |  |  |
| Tổng Doanh thu |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế |  |  |
| Tổng lao động |  |  |

**Ghi chú: 1.** *Đề nghị Quý Doanh nghiệp gửi bảng Mẫu Thông tin doanh nghiệp cho BTC qua email, fax hoặc bưu điện* **trước ngày 28/10/2022.** *Các tài liệu kèm theo nếu có (Báo cáo Tài chính kiểm toán, Báo cáo quyết toán thuế…) của Doanh nghiệp là các Bản sao có xác nhận của Doanh nghiệp. Doanh nghiệp cam kết và chịu trách nhiệm về tính khách quan và xác thực của các thông tin cung cấp cùng các tài liệu, tư liệu kèm theo.*

**2.** *Quý Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, tập đoàn vui lòng sử dụng số liệu của* ***Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán****.*

|  |  |
| --- | --- |
| Quý Doanh nghiệp vui lòng quét mã QR  dưới đây để tải bản mềm (nếu cần): | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  **(Ký tên và đóng dấu)** |

**PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*(Khảo sát thông tin về tình hình kinh tế, thực trạng sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp trong năm 2022)*

Vietnam Report cam kết phiếu hỏi chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin doanh nghiệp cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin.

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*

|  |
| --- |
| PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP |

1. **Tổng quát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm 2021? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án*)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |
| Tổng chi phí |  |  |  |  |  |
| Năng suất lao động bình quân |  |  |  |  |  |
| Số lượng nhân viên |  |  |  |  |  |
| Số lượng khách hàng |  |  |  |  |  |

1. **Tăng trưởng doanh thu của Quý Doanh nghiệp hiện nay đến chủ yếu đến từ ngành kinh doanh nào? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

Ngành kinh doanh cốt lõi

Ngành kinh doanh thứ cấp

Ngành kinh doanh mới được mở rộng trong năm 2022

Khác (Vui lòng cho biết: )

1. **Quý Doanh nghiệp cho biết tình hình chi phí hiện nay thay đổi như thế nào so với cùng kỳ năm 2021? (vui lòng đánh dấu X với 1 trong 5 phương án)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| Chi phí lao động |  |  |  |  |  |
| Chi phí nguyên vật liệu |  |  |  |  |  |
| Chi phí bán hàng, marketing |  |  |  |  |  |
| Chi phí chuyển đổi công nghệ |  |  |  |  |  |
| Chi phí đầu tư phát triển bền vững |  |  |  |  |  |

1. **Những khó khăn dưới đây tác động như thế nào tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp trong năm vừa qua? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

| **Khó khăn** | **Không tác động** | **Tác động ít** | **Tác động tương đối** | **Tác động lớn** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |
| Rủi ro từ chuỗi cung ứng |  |  |  |  |
| Giảm số lượng đơn hàng, hàng tồn kho tăng lên |  |  |  |  |
| Sức ép đến từ tỷ giá gia tăng |  |  |  |  |
| Lạm phát tăng cao đột biến ở hầu hết các quốc gia |  |  |  |  |
| Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, lãi suất huy động tăng |  |  |  |  |
| Rủi ro an ninh mạng |  |  |  |  |
| Lao động không đáp ứng được về số lượng/chất lượng |  |  |  |  |
| Bất ổn chính trị trên thế giới |  |  |  |  |
| Thiên tai, dịch bệnh |  |  |  |  |
| Nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm |  |  |  |  |
| Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết: ) |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp dự báo những khó khăn trên sẽ kéo dài trong bao lâu? (*vui lòng đánh dấu X với 1 trong 4 phương án*)**

| **Khó khăn** | **Không  kéo dài** | **Cuối năm 2022** | **Cuối năm 2023** | **Qua năm 2023** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào |  |  |  |  |
| Rủi ro từ chuỗi cung ứng |  |  |  |  |
| Giảm số lượng đơn hàng, hàng tồn kho tăng lên |  |  |  |  |
| Sức ép đến từ tỷ giá gia tăng |  |  |  |  |
| Lạm phát tăng cao đột biến ở hầu hết các quốc gia |  |  |  |  |
| Khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn, lãi suất huy động tăng |  |  |  |  |
| Rủi ro an ninh mạng |  |  |  |  |
| Lao động không đáp ứng được về số lượng/chất lượng |  |  |  |  |
| Bất ổn chính trị trên thế giới |  |  |  |  |
| Thiên tai, dịch bệnh |  |  |  |  |
| Nhu cầu mua sắm, tiêu dùng giảm |  |  |  |  |
| Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành |  |  |  |  |
| Khác (Vui lòng cho biết: ) |  |  |  |  |

|  |
| --- |
| **PHẦN II. TRIỂN VỌNG KINH DOANH VÀ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH** |

1. **Dựa trên thực trạng hiện nay của nền kinh tế Việt Nam, niềm tin của Quý Doanh nghiệp vào sự phát triển nhanh chóng của Kinh tế Việt Nam trong năm 2023 như thế nào?**

Có niềm tin rõ rệt

Có niềm tin tương đối rõ rệt

Chưa có nhiều niềm tin

Không có kỳ vọng

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp mình trong năm 2023 so với năm 2022 sẽ như thế nào?**

Khó khăn hơn rất nhiều

Khó khăn hơn một chút

Không thay đổi

Khả quan hơn một chút

Khả quan hơn rất nhiều

1. **Kỳ vọng của Quý Doanh nghiệp đối với một số chỉ tiêu sau của năm 2023 sẽ như thế nào so với năm 2022?**

| **Chỉ tiêu** | **Giảm đi đáng kể** | **Giảm đi** | **Cơ bản ổn định** | **Tăng lên** | **Tăng lên đáng kể** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Doanh thu |  |  |  |  |  |
| Tổng chi phí |  |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp dự kiến áp dụng những chiến lược nào dưới đây để duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những tháng tiếp theo? (vui lòng đánh dấu X với phương án phù hợp)**

| **Chỉ tiêu** | **12 tháng** | **24 tháng** | **36 tháng** |
| --- | --- | --- | --- |
| Sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong tiếp thị bán hàng |  |  |  |
| Tăng cường sử dụng công nghệ tự động hóa trong vận hành sản xuất |  |  |  |
| Đào tạo và nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực |  |  |  |
| Cải thiện cơ cấu chi phí |  |  |  |
| Thâm nhập thị trường nước ngoài |  |  |  |
| Cắt giảm nguồn nhân lực |  |  |  |
| Tăng cường phát triển văn hóa doanh nghiệp |  |  |  |
| Chuyển đổi, linh hoạt với chuỗi cung ứng |  |  |  |
| Tăng cường, cải thiện kế hoạch quản lý rủi ro, đảm bảo kinh doanh liên tục |  |  |  |
| Tăng cường hoạt động kinh doanh cốt lõi |  |  |  |
| Tăng cường đầu tư vào đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm và dịch vụ mới |  |  |  |
| Hợp tác với các tổ chức, công ty khác | **☐** | **☐** | **☐** |
| Theo đuổi chiến lược M&A |  |  |  |
| Giảm lượng khí thải Carbon | **☐** | **☐** | **☐** |
| Nâng cao trách nhiệm xã hội | **☐** | **☐** | **☐** |
| Khác (Vui lòng cho biết: ………………………………………) |  |  |  |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, những vấn đề chính sách nào dưới đây Chính phủ nên thực hiện để hỗ trợ doanh nghiệp trong thời gian tới? (vui lòng đánh dấu X với phương án phù hợp)**

Giãn và giảm thuế

Thực hiện các gói hỗ trợ lãi suất để giảm chi phí vay nợ

Thực hiện các gói tín dụng ưu đãi

Cải thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là cơ sở hạ tầng logistics

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Đẩy mạnh công nghệ thông tin, tiến đến giải quyết thủ tục hành chính hoàn toàn trên không gian mạng

Nâng cao hiệu quả các chương trình hỗ trợ người lao động

Xử lý các vướng mắc liên quan đến quy tắc xuất xứ để tận dụng ưu đãi thuế quan FTA

Kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô

Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Bổ sung khung pháp lý về phát triển bền vững

Khác (Vui lòng cho biết: )

1. **Theo đánh giá của Quý DN, ngành nào sẽ có tiềm năng tăng trưởng lớn nhất trong 12 tháng tới?**

Bất động sản/Xây dựng  Tài chính/Ngân hàng

Bảo hiểm  Điện/Năng lượng

Bán lẻ  Vận tải/Logistics

Thực phẩm/Đồ uống  Dược phẩm/Y tế

Du lịch/Giải trí  Thủy sản

Công nghệ thông tin/Viễn thông  Nông nghiệp

Công nghiệp/Chế tạo  Dệt may/Da giày

Khác (vui lòng cho biết):.....................................................................................................................................

|  |
| --- |
| **THÔNG TIN NHẬN BÁO CÁO** |

**Quý Doanh nghiệp vui lòng cung cấp địa chỉ để nhận Báo cáo Kinh tế Việt Nam 2023:**

Tên người nhận: ……………………………………………………………………………................................................................................

Địa chỉ nhận báo cáo: ………………………………………………………………………………......................................................................

Điện thoại: ……………………………………………………….... Email: ……………................................................................................

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Doanh nghiệp!*